

## Phẩm 10: BỒ TÁT VÂN TẬP

Bốn môn giống như trước.

**A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI:** Bồ-tát là Thế; Vân là Tướng, bởi vì các Bồ-tát hàm chứa mưa pháp, bởi vì hàm răng và nướu răng theo nhau; Tập là Dụng, Điện là nơi quy tập. Diệu Thắng có ba nghĩa:

- 1) Chúng của Đức Phật là Diệu Thắng, Diệu Thắng là cung điện.
- 2) Trong cung điện ấy thuyết về pháp vi diệu thù thắng này.
- 3) Cung điện tức là Diệu Thắng, bởi vì xứng tánh.

Nói kệ là ngữ nghiệp gọi là pháp giới, Bồ-tát như mây mà quy tập, đều dùng biện tài tuyệt vời tuyên dương công đức của Đức Phật, cho nên nói là phẩm Bồ-tát Vân Tập Thuyết Kệ.

**B. Ý:** đưa ra, trước đây trình bày về Như Lai lên trên cõi trời sắp thuyết pháp, nhất định phải có cơ duyên được che phủ, cho nên tiếp tục đưa ra. Lại trước đây trình bày về quả đức đến với căn cơ, nay nhờ vào lực Trợ hóa, trước là chủ-sau là bạn vốn có nghĩa theo thứ tự.

**C. TÔNG:** nghĩa là phát ra ánh sáng quy tụ chúng, nói kệ ca ngợi làm Tông. Chúng có ba loại:

1) Chúng trợ hóa, đó là Bồ-tát mười phương chịu ảnh hưởng của Như Lai.

2) Chúng biểu thị cho pháp, đó là các pháp đứng đầu-các pháp trí tuệ-các pháp như rừng cây-các pháp như cột cao... đều dựa vào con người để biểu thị cho pháp.

3) Chúng đương cơ, đó là giáo đã che phủ. Văn này gồm chung ba loại này.

**D. TRONG GIẢI THÍCH VĂN** có ba: Một là quy tụ chúng, hai là phát ra ánh sáng, ba là thuyết kệ.

*Trong phần một có hai:* Trước là cõi này, sau là kết luận nối thông.

Trong phần trước có hai: Một- Hiển bày về đã theo đến; Hai- Từ “Phật thân lực...” trở xuống là trình bày về Bồ-tát đến quy tụ.

*Trong phần một có hai:*

1) Trình bày về phần lượng, trước đây là mười-bảy giờ là trăm, bởi vì hiển bày về hành vị dần dần tăng thêm. Ý trong này chọn lấy trăm thế giới Phật nghiền vụn làm thành bụi nhỏ (vi trần), như vậy theo phương Đông vượt ra ngoài số quốc độ như số bụi nhỏ ấy, có một thế giới tên gọi Nhân-đà-la; từ phương Đông nơi này lại vượt ra ngoài số quốc độ gấp trăm lần số bụi nhỏ như trên, có quốc độ tên gọi Liên Hoa;

như vậy hướng về phương Đông có mười lớp thế giới, mỗi một lớp đều vượt ra ngoài số thế giới gấp trăm lần số bụi nhỏ. Sở dĩ nói đến mười lớp, là bởi vì hiển bày về vô tận. Như mười lớp thế giới ở phương Đông, chín phương còn lại cũng như vậy. Thế giới Phật-tên gọi Bồ-tát... đều giống nhau, cho nên nói là mỗi một phương đều có mười lớp thế giới..., đều nêu ra tên gọi như nhau. Đây là chỉ dựa vào Hội ở một cung trời này, thế giới mười phương còn lại tất cả đều như vậy, là Hội pháp giới vô biên mà thôi, nghĩa là một Hội-tất cả các Hội..., như phần kết luận nối thông phân rõ.

2) Chính thức hiển bày về tên gọi của ba thế gian ở xứ sở này. Thế giới ấy gọi là Tạp, vốn là biểu thị cho pháp tướng đã giải thích không phải là một. Phật cùng tên gọi là Nguyệt, đây là tướng của quả trong Trú, có ba nghĩa: Một, dựa theo Thể là nghĩa về đầy đủ trọn vẹn; hai, dựa theo Dụng là nghĩa về ánh sáng chiếu rọi; ba, dựa theo Đức là nghĩa về mát mẻ trong lành. Lại đầu là Chánh Thể, tiếp là Hậu Đắc, sau là Đại Bi, dùng Nguyệt để biểu thị so sánh. Bồ-tát cùng tên gọi là Tuệ, là tướng của nhân trong Trú, đó là thông hiểu rõ ràng về nghĩa Chân-Tục, đều hướng về Đức Phật này mà tu Phạm hạnh, là hiển bày về nhân dựa vào quả mà thành tựu, vốn là thuận theo nhau.

*Trong phần hai là chính thức đến quy tụ, có hai:* 1) Đến nơi này chào hỏi cung kính; 2) Chào hỏi cung kính rồi an tọa. Đầu nói đến Phật lực là nguyên cơ đến đây an tọa, lực của quả gia hộ thành tựu. Đây khắp mười phương là nghĩa về duyên khởi vô ngại.

Thứ hai trong phần Tựa về phát ra ánh sáng, có sáu: 1) Người phát ra ánh sáng. 2) Nơi phát ra ánh sáng, đó là như ngón chân dựa vào đất mới đứng vững được, biểu thị cho Thập Trú này thành tựu phần vị không lui sụt, cho nên gọi là Trú. 3) Số của ánh sáng. 4) Tướng của ánh sáng, đó là tướng tách ra rõ ràng sáng rực cho nên nói là diệu sắc, cũng là tên gọi. 5) Nơi ánh sáng chiếu rọi, đó là phẩm Quang Minh Giác trước đây đã phân rõ, lại là nơi của các văn kết luận nối thông, phẩm trước thì Phật lực hiển bày rõ ràng về các thân dưới tán cây Bồ-đề, nay ánh sáng chiếu rọi dưới tán cây và trên cõi trời. 6) Như Lai và Đại chúng... là trình bày do chiếu rọi mà hiển bày rõ ràng tất cả cùng nhau làm thành một Hội pháp giới viên minh, lại nói là đỉnh Tu-di dưới tán cây, biết rõ điều đó.

Thứ ba trong phần kệ ca ngợi, mười Bồ-tát tức là mười đoạn, một vị đầu là tổng quát, chín vị sau là riêng biệt.

Bởi vì là chủ nói pháp cho nên gọi là Pháp Tuệ, vì vậy tổng quát

thuật về đầu đuôi của Hội này để hiển bày công đức của Đức Phật. Sau đều ca ngợi về đức sai biệt từ trong ý chỉ tổng quát này, cho nên tổng quát và riêng biệt vô ngại, chỉ một thân Pháp giới của Như Lai. Trong đó, hoặc là tức Lý-tức Sự, tức Giáo-tức Nghĩa, tức Nhân-tức Quả, tức Người-tức Pháp, tức Tâm-tức Cảnh, viên dung tự tại, nêu ra Thể hoàn toàn thân nhiếp. Những loại này tức là pháp trong Thập Trụ. Các kệ sau thích hợp dựa theo nhận biết ý này. Trong kệ đầu phân hai: Trước là nói về sự việc của Hội này, sau là ba kệ giải thích nghi ngờ. Trong phần trước: Đầu là hai kệ nói về sự việc trong phẩm Thăng Thiên; tiếp là ba kệ nói về tướng quy tụ nơi này; tiếp là hai kệ nói về sự việc kết luận nối thông, trong đó trước là trình bày về nguyên cơ, sau là hiển bày về tướng ấy. Hai là giải thích chế phục nghi ngờ, nghi ngờ rằng: Phật quả tự tại có thể một thân hưởng đến tất cả các Hội không có gì chướng ngại, nghĩ bàn không đến được, Bồ-tát là người thuộc nhân vị đã hạn chế không đầy đủ, vì sao cũng có thể khắp nơi như vậy? Trong giải thích có ba: Kệ đầu là sơ phát tâm sâu xa, kệ hai là tu hành sâu xa, kệ ba là thành tựu công đức sâu xa, cho nên có thể khắp nơi giống như Phật.

Hai là Nhất Thiết Tuệ, bởi vì hiểu rõ tất cả các pháp lìa xa tướng. Mười kệ phân năm: Một, ba kệ trình bày về Phật không phải là hư vọng giữ lấy mà thấy, kệ một là trình bày về Tiểu thừa Bồ-tát giữ lấy tướng thấy Phật chứ không nhìn thấy pháp chân thật, kệ hai là trình bày về phạm phu hư vọng nhiệm trước hoàn toàn không thấy Phật, kệ ba là trình bày về Nhị thừa tuy quán pháp mà chấp vẫn còn vướng vào giả danh của pháp. Hai, ba kệ trình bày về đã hư vọng giữ lấy không thấy, thì ai có thể thấy được? Nghĩa là lìa xa hư vọng đích thực hiểu rõ Phật thường hiện rõ trước mắt. Trong đó, kệ một là thấy Phật chân thật; kệ hai là không còn chủ động-thụ động, bởi vì không có thụ động giữ lấy cho nên không có chủ động nhìn thấy; kệ ba là hiển bày về lợi ích của quán. Ba, một kệ trình bày về hư vọng giữ lấy có gì sai mà không thấy? Đó là bởi vì ngu si tối tăm. Bốn, hai kệ trình bày về Phật chân thật có đức gì mà vượt lên trên hư vọng? Đó là bởi vì pháp giới thanh tịnh bình đẳng. Trong đó, kệ đầu là dựa theo Phật trình bày về nghĩa không sinh diệt của công đức thuộc Tu sinh, nghĩa là hai câu đầu trình bày về công đức tướng tốt lìa xa sinh diệt của ba đời, tức là thiết lập Tông; hai câu sau nêu ra hai nhân giải thích về thành tựu, một nói là dùng công đức này trú vào căn bản của Vô trú cho nên giống như Vô trú, lại hiển bày tức là không có tự tánh cho nên nói là Vô trú, vì vậy ngay nơi không

sinh diệt mà không phải không có công đức; một nói là nếu Vô minh chưa hết, chướng ngại cách xa Chân như làm cho đức thuộc Tu sinh chưa hoàn toàn giống với Chân như cho nên có sinh diệt, nay thì ngược lại với điều này, Thủ giác giống với Bản giác cho nên nói là tất cả thanh tịnh, cho nên không sinh diệt. Kế sau là dựa theo pháp, bởi vì thấy pháp duyên khởi tức là Phật, bởi vì nhân duyên sinh tức là không sinh, thấy lý Phật giống với kệ thứ tư không sinh diệt thấy Phật. Năm, một kệ sau cuối là suy ra công đức thuộc về gốc.

Ba là Thắng Tuệ, bởi vì Tuệ thanh tịnh-Nhãn thù thắng-trí sâu xa hiểu rõ về Phật, Trí sâu xa là thù thắng. Mười kệ phân năm: Một, ba kệ nêu ra sai lầm của tình thức hư vọng, kệ một là không nhận ra trí sâu xa của Phật, kệ hai là hư vọng giữ lấy làm chướng ngại tướng Phật, kệ ba là không nhận ra Ấm làm chướng ngại Pháp thân. Hai, hai kệ phân rõ về lợi ích của tuệ giải, trong đó trong kệ đầu nếu dựa theo Tam thừa quán về pháp không thật thì thấy lý Phật, Nhất thừa thì thấy thân pháp giới của Lô-xá-na gồm chung lý-sự; kệ sau là trình bày về Ấm chuyển Vô ngã là Phật. Ba, ba kệ ví dụ hiển bày về sai lầm trước đây, trong đó kệ một là tuy nhân thiếu mà duyên sai lầm; kệ hai là tuy duyên và nhân xen tạp sai lầm mà nói là bởi vì xen tạp Vô minh cho nên tâm không thanh tịnh, cũng là không có tín tâm; kệ ba là tuy duyên thiếu mà nhân sai lầm. Bốn, một kệ ví dụ hiển bày về lợi ích trước đây. Năm, một kệ sau cuối là suy ra công đức thuộc về gốc.

Bốn là Công Đức Tuệ, bởi vì phước vốn trang nghiêm cho tuệ. Mười kệ phân bốn: Một, bốn kệ phân rõ về mê mờ sai lầm, kệ một là chấp lấy tướng, kệ hai là Kiến thủ, kệ ba là Vô minh, kệ bốn là không có Pháp nhãn. Lại giải thích: Hai kệ trước là dấy khởi hư vọng, hai kệ sau là mê mờ về pháp. Trong hai kệ trước, kệ một là chấp hư giả làm chân thật, kệ hai là giữ lấy thua kém làm hơn hẳn. Trong hai kệ sau, kệ một là mê mờ tự tâm, kệ hai là mê mờ Chân Không. Hai, bốn kệ phân rõ về đức của hiểu biết, kệ một là cầu Pháp nhãn, kệ hai là tâm không có gì vướng mắc, kệ ba là có mắt thanh tịnh, kệ bốn là lìa xa thấy về năng-sở, hai câu trước không thấy gì tức là thấy, hai câu sau thấy tức là không thấy gì. Ba, một kệ ca ngợi Đức Phật thuận theo pháp thâm nhiếp chúng sinh. Bốn, một kệ sau cuối là suy ra công đức thuộc về gốc.

Năm là Tiến Tuệ, bởi vì lìa xa vọng tưởng phóng dật. Mười kệ phân hai: Một, một kệ trình bày về mất đi do ngu si hư vọng; hai, chín kệ trình bày về đạt được do trí tuệ tỏ ngộ. Trong đó: Một kệ đầu là cùng hiểu rõ chân-ngụy, nghĩa là hiểu rõ hư vọng giả tạo không thật, chân lý

là thật. Hai kệ tiếp là rời bỏ giả tạo quay về chân thật, đó là kệ đầu dựa theo quán sát sở chấp Vô tướng, kệ sau dựa theo Y tha Vô sinh. Ba kệ tiếp trình bày về chân thật và giả tạo cùng dung hòa, tức là Viên thành Vô tánh, kệ một là đều chân, kệ hai là đều mất đi, kệ ba là giải thích về nguyên cơ không đi cùng. Ba kệ sau cuối là giả tạo không còn-chân thật trọn vẹn, kệ một là không thể bàn, kệ hai là không thể nghĩ, kệ ba là lợi ích của quán.

Sáu là Thiện Tuệ, bởi vì nhận biết Phật lia xa tâm làm hại, cho nên khéo léo trình bày về đạo thanh tịnh. Mười kệ phân bốn: Một, ba kệ nêu ra thật đức của Phật, kệ một là Tự lợi-Lợi tha tròn vẹn tuyệt diệu, kệ hai là tích lũy công đức mới thấy, kệ ba là cùng chung lý vượt quá tình thức. Hai, bốn kệ phân rõ về pháp mà Đức Phật đã nói, kệ một là hiển bày về pháp Vô thuyết; kệ hai là trình bày về thuyết của Vô thuyết cho nên nói không tận cùng, lại cũng kệ trước trình bày về Vô thuyết cho nên tận cùng ngôn từ, kệ này trình bày về tận cùng ngôn từ cũng lia xa cho nên nói là không tận cùng; kệ ba là giải thích về danh xưng của Đại đã thấy trước đây, trong kệ đầu trình bày về không thấy gì mà thấy, chúng sinh là thấy, thấy này cũng không có, trong kệ sau trình bày về thấy mà không thấy gì, bất hoại ấy, một là bởi vì thấy không cần phá bỏ, hai là bởi vì thấy lý của bất hoại, ba là bởi vì thấy Thể tức là Chân. Ba, một kệ rưới kết luận về nhận biết Phật và tướng lợi ích của thuyết giảng trước đây. Bốn, một kệ rưới sau cuối là suy ra công đức thuộc về gốc.

Bảy là Trí Tuệ, vốn là nghe giáo phát sinh trí tuệ. Mười kệ phân bốn: Một, một kệ phân rõ tự mình thuận theo giáo phát sinh trí tuệ, cho nên lập thành tên gọi ấy. Hai, sáu kệ trình bày về chúng sinh bị tổn hại vì làm trái lý, trong đó: Hai kệ đầu tùy tiện chấp vào người và pháp cho nên không thấy Phật, kệ trước là người-kệ sau là pháp, nghĩa là không quán sát Thật tướng của thân. Bốn kệ sau dựa theo phần vị trình bày về không thấy Phật, hai kệ đầu dựa theo phần vị phạm phu, kệ một dựa vào tình thức sai lầm, kệ hai dựa vào Chánh lý, nghĩa là sinh tử và Niết-bàn đối đãi nhau cho nên đều không thể có được, lại bởi vì là Niết-bàn của Nhị thừa, lại phần nhiệm là sinh tử, phần tịnh là Niết-bàn, cùng dung hòa cho nên đều không thể có được; hai kệ sau dựa theo Nhị thừa, kệ một dựa theo mê lầm về giáo, kệ hai dựa theo giữ lấy tướng, như Am-đề-già quở trách Xá-lợi-phất rằng: “Ta ở trong tịnh thất, Đức Thế Tôn thường hiện rõ trước mắt, Nhân giả nói là A-la-hán thường đi theo mà không thấy.” Ba, một kệ khuyến khích khiến cho thuận theo

lý thành tựu lợi ích. Bốn, hai kệ nêu ra pháp để giải thích về thành tựu, nghĩa là vì sao chấp có mà không thấy Phật? Giải thích rằng: Pháp thật sự là không có, dùng trí Phật mong cầu thì không thể có được. Lại nói bởi vì biết rõ ràng tất cả các pháp ba đời là Không, cho nên gọi là Như Lai. Vì vậy nên biết, nếu giữ lấy các tướng thì không thấy Phật.

Tám là Chân Tuệ, là bởi vì thấy chân lý Pháp thân, lại tuệ giống như lý gọi là Chân Tuệ. Mười kệ phân hai: Một, hai kệ ca ngợi về danh đức của Phật, kệ một là nêu ra, kệ hai là giải thích. Hai, tám kệ trình bày về nghĩa đức của Phật, trong đó có hai: Ba kệ đầu là thông hiểu cảnh của hai Đế mà Đức Phật đã nhận biết thành tựu quán về Pháp thân, kệ một nêu ra đó là bởi vì giả tạo không có hòa hợp cho nên Tục giống như Chân, kệ hai là giải thích dựa theo ba thời gian cầu tướng hòa hợp không được, kệ ba là thành tựu lợi ích của quán. Năm kệ tiếp theo là thông hiểu cảnh-trí của Phật thành tựu không còn năng hành-sở hành, trong đó có bốn: Một là nêu cảnh-trí. Hai là mất đi năng-sở, nghĩa là cảnh-trí một cũng không được, hai cũng không được, chứng Như trở lại hưởng về, không có trí ngoài Như cho nên không có chủ động Giác, cũng không có pháp ngoài trí có thể giữ lấy cho nên không có thụ động Giác, là pháp của Đức Phật đã tu cho nên không có một-không có hai. Điều này có ba nghĩa: 1) Dựa theo cảnh Chân-Tục không phải là một-hai; 2) Dựa theo trí rỗng rang soi chiếu không phải là một-hai; 3) Dựa theo cảnh-trí không phải là một-hai, theo giải thích có thể biết. Ba là giải thích về không có một-hai, bởi vì cảnh-trí không có hòa hợp. Lại nửa kệ trước là nêu rõ về Tông, nửa kệ sau giải thích bởi vì một pháp không có chỗ dựa của chính mình cho nên trở thành nhiều, trở thành một cũng như vậy, cả hai đều không có tánh, sao có duyên hòa hợp? Và lại, Tạng tánh dựa vào duyên thì một trở thành nhiều, các pháp dựa vào Tạng thì nhiều trở thành một, đều không có tự tánh, đều không có chỗ dựa, bởi vì không có chỗ dựa cho nên nói là sao có duyên hòa hợp, bởi vì Thể-Dụng đều mất đi cho nên nói là người làm ra và việc đã làm ra đều không có. Bốn từ “Nhược năng...” trở xuống là trình bày về quán thành tựu lợi ích, hai câu là nêu ra, bốn câu là giải thích, nghĩa là nơi không thể nào đạt được này là chỗ dựa của Phật, trong này không còn năng-sở cho nên nói là không có gì nương tựa-không có gì giác ngộ.

Chín là Vô Thượng Tuệ, bởi vì tuệ lìa xa tướng phía trên. Mười kệ phân ba: Một, một kệ giải thích về tên gọi của mình. Hai, tám kệ hiển bày về đức của Phật, trong đó: Sáu kệ đầu phân rõ về đức nội chứng của Phật, đó là một về cảnh lìa xa thô-diệu, đức thuộc tu sinh là thô, bởi

vì Không cho nên không tạo tác, chân lý là tế, bởi vì vốn có cho nên không hy vọng; hai là lia xa số lượng-không có số lượng, hai loại này dựa theo cảnh; ba là lia xa soi chiếu-không có soi chiếu, loại này dựa theo trí; bốn là một kệ rưỡi lia xa nương tựa-không có nương tựa; năm là một kệ rưỡi lia xa tướng một-hai. Trên đây là dựa theo cảnh-trí cùng dung hòa. Hai kệ sau là hiển bày về đức ngoại hóa của Phật, kệ một là chỉ dạy khiến cho trú vào pháp mà không có gì trú vào, kệ hai là được thấy chân thân mà không có gì thấy. Ba, một kệ sau cuối là suy ra công đức thuộc về gốc.

Mười là Kiên Cố Tuệ, bởi vì biết ân đức của Phật không thể hoại được. Mười kệ phân ba: Một, sáu kệ nêu ra ân đức sâu dày của Phật; hai, ba kệ vui mừng đã gặp được; ba, một kệ kết luận ca ngợi về vô tận. Trong phần một: Một câu đầu nêu ra ân đức, những câu còn lại giải thích hiển bày về tướng của ân đức, một là vì chúng sinh mà xuất hiện, hai là thấy chúng sinh rất khổ, ba là trình bày về cứu khổ thì chỉ có Đức Phật, bốn là ban vui cũng chỉ có Đức Phật, năm là chúng của Phật cũng có năng lực, sáu là thấy nghe đạt được lợi ích. Trong phần hai là vui mừng đã gặp được có ba: Một là vui mừng mình được lợi ích, hai là mọi người cùng chung lợi ích, ba là vui mừng trở lại thấy lợi ích của trí, cũng là kết luận về điều mà mình đã nói. Một kệ sau cuối là tổng quát kết luận về chín người đã nói trên đây.

-----